

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 23/5/2018

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Trung Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thám và bà Bé Thị Bay.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Ngọc.

Ngày 23 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2017 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lâm Thảo D**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Số 12 Đường Lý Thường Kiệt, Tổ 4, Phường B, Thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Xuân N**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Số 12 Đường Lý Thường Kiệt, Tổ 4, Phường B, Thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Chị Lâm Thảo D trình bày: Chị D và anh N, kết hôn tự nguyện có đăng ký tại UBND Phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai vào ngày 26/12/2015. Trong quá trình sống chung, thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn nên anh N tự bỏ việc làm và nhà đi vào năm 2016, vợ chồng ly thân nhau từ đó cho đến nay. Nhiều lần chị D liên lạc với anh N về đề đoàn tụ gia đình, chăm lo con cái nhưng anh N nhất quyết không về. Chính vì thế vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa nên chị D cương quyết xin ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị D và Anh N có 01 con chung là Nguyễn Tiến P, sinh ngày 06/12/2015. Hiện nay đang sống với chị D, chị D yêu cầu được nuôi cháu P và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Xuân N có lời khai trong hồ sơ như sau: Anh N và Chị D tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai vào ngày 26/02/2015 như chị D trình bày. Còn về mâu thuẫn thì vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì lớn chỉ không hợp nhau trong cách cư xử trong gia đình nên anh mới bỏ đi làm ăn. Thực sự anh N không muốn ly hôn, anh mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng trở về đoàn tụ nuôi dạy con cái được tốt hơn. Về con chung, vợ chồng anh có 01 con chung là Nguyễn Tiến P, sinh năm 2015 như chị D trình bày. Hiện nay đang sống với mẹ, anh không muốn ly hôn nhưng nếu Chị D cương quyết ly hôn mà Tòa án chấp nhận đơn của chị D thì anh N đồng ý để chị D nuôi con. Về tài sản chung, anh N không yêu cầu Tòa án Giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến: Về thủ tục tố tụng Tòa án nhân dân thị xã A đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Xuân N và giao con chung là cháu Nguyễn Tiến P, sinh năm 2015 cho chị Lâm Thảo D nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa chị D không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Buộc chị D phải chịu số tiền 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Lâm Thảo D yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Xuân N, sinh năm 1986; địa chỉ: Số nhà 12 đường Lý Thường Kiệt, Tổ 4, phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã A thụ lý giải quyết án dân sự nói trên là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa mặc dù bị đơn anh N đã được Tòa án Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần cũng như triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do. Vì thế theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thảo D và anh Nguyễn Xuân N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa chị D và anh N là hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị D và anh N có phát sinh mâu thuẫn nên chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Trong lời khai anh N khai rằng không muốn ly hôn và yêu cầu Tòa án hòa giải. Nhưng khi Tòa án đã triệu tập anh N nhiều lần đến để hòa giải thì anh N đều vắng mặt không có lý do, thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến việc tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng với chị D. Hơn nữa giữa chị D và anh N đã không còn chung sống với nhau

từ năm 2017 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lâm Thảo D là có cơ sở.

[4] Về con chung: Chị D và anh N có 01 con chung là cháu Nguyễn Tiến P, sinh năm 2015. Hiện nay đang sống với chị D nên chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu P. Trong bản khai vào ngày 20/12/2017 anh N cho rằng cháu P còn nhỏ cho nên để cháu ở với chị D sẽ tốt hơn. Chị D có thu nhập ổn định và có đủ điều kiện để nuôi con. Do vậy, chấp nhận yêu cầu của chị D, Giao cho chị D trực tiếp nuôi cháu P là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị D trình bày chị có việc làm, có thu nhập ổn định nên không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Vì thế, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị D và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì chị Lâm Thảo D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn anh Nguyễn Xuân N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thảo D;

Về hôn nhân: Chị Lâm Thảo D được ly hôn với anh Nguyễn Xuân N.

Về nuôi con chung: Giao cho chị Lâm Thảo D nuôi 01 con chung là cháu Nguyễn Tiến P, sinh ngày 06/12/2015 cho đến khi cháu thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Vì lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì

người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về án phí: Buộc chị Lâm Thảo D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001134 ngày 20 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Xuân N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (23/5/2018), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn trên đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- UBND phường B TX A (để Ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Trung Toàn